TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số:76/2019 /HS-ST
Ngày: 30/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ- TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Lan.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện
2. Ông Bùi Thế Hanh

***- Thư ký phiên toà*:** bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày các ngày 29, 30/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2019/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63A/2019/QĐXX-HSST ngày 30 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo :

1. Ngô Văn Q - sinh năm 1973

TQ: thôn Hương Linh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ngô Văn Sơn - 1952 và con bà Trần Thị Xây - sinh năm 1952; Gia đình có ba anh chị em bị cáo là con thứ hai; vợ: Ngô Thị Hưởng, sinh năm 1976; bị cáo có hai con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Tiền án, Tiền sự: không

2. Họ và tên: Trần Văn T – sinh năm 1973

Nơi cư trú: thôn Đại Tân, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Tục (đã chết) và con bà Trần Thị Vạn, sinh năm 1947; Gia đình có bốn anh chị em bị cáo là con thứ ba; vợ: Nguyễn Thị Tám, sinh năm 1973; bị cáo có ba con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. Soái Thị Q - sinh năm 1972

TQ: thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Soái Văn Tính; sinh năm 1939 và con bà An Thị Bích (đã chết); Gia đình có tám anh chị em bị cáo là con thứ năm; chồng: Đặng Văn Hay, sinh năm 1970; bị cáo có hai con lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Trần Văn Tuấn - sinh năm 1983(vắng mặt)

TQ: thôn Đại Mão, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

2. Anh Trần Văn Trường - sinh năm 1985(vắng mặt)

TQ: thôn Phú Cốc, xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

3. Anh Trần Văn Q - sinh năm 1992(vắng mặt)

TQ: thôn Đại Mão, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

4. Anh Nguyễn Văn Trường - sinh năm 1990(vắng mặt)

TQ: thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

5. Anh Trần Danh Tính - sinh năm 1975(vắng mặt)

TQ: thôn Đại Mão, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

6. Anh Phạm Văn Hoàng - sinh năm 1989(có mặt)

TQ: thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

7. Anh Ngô Văn Ngọc - sinh năm 1985(vắng mặt)

TQ: thôn Hà Nội, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

8. Anh Trần Văn Tứ - sinh năm 1975(vắng mặt)

TQ: thôn Đại Tân, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

9. Chị Đặng Thị Hằng - sinh năm 1991 (có mặt);

TQ: thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản Cáo trạng số 63/CT – VKS – HH ngày 26 tháng 8 năm 2019 của VKS nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang truy tố các bị cáo: Ngô Văn Q, Trần văn T, Soái Thị Q về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 321 Bộ luật hình sự;

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Vào hồi 18 giờ ngày 27/3/2019, tại gia đình Trần Văn T - sinh năm 1973; ở thôn Đại Tân, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Trần

Văn T đang có hành vi bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn Trường - sinh năm 1990; trú tại: thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Vật chứng thu giữ gồm:

Thu giữ tại bàn uống nước chỗ T ngồi 01(một) ví da bên trong có 7.598.000đ; thu giữ 200.000đ trên mặt bàn, 01 cuốn sổ màu hồng bên trong ghi các chữ và số có chữ ký của Trần Văn T ở từng trang đánh số thứ tự từ 01 đến 05; 01(một) bút bi mực màu xanh có chữ snape trên thân bút(đã qua sử dụng).

Thu giữ trên người Nguyễn Văn Trường: 03(ba) tờ cáp đề có ghi chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 03 có chữ ký của Trần Văn T và Nguyễn Văn Trường.

Thu giữ trên người Trần Văn T: 01(một) điện thoại OPPO màu đen(đã qua sử dụng) số IMEI 1: 865720044493192, số IMEI2: 865720044493184; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Itel màu đen(đã qua sử dụng) số IMEI: 354791090266327; số IMEI 2: 354791090266335.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa khám xét khẩn cấp nhà ở của Trần Văn T, thu giữ trong két sắt đặt tại phòng khách ở tầng một số tiền là: 26.000.000đ.

Sau khi bị bắt quả tang Trần Văn T khai: do có mối quan hệ từ trước với Ngô Văn Q - sinh năm 1973; trú tại thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và biết Q mua bán số lô, số đề nên T nhận làm "Thư ký" lô, đề cho Q. T bán số lô, số đề cho những người chơi khác nhau rồi tổng hợp lại và sử dụng số điện thoại 0941996805 soạn tin nhắn văn bản gửi đến số điện thoại 0353536771 của Q để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Cụ thể: T được hưởng 15% trong tổng số tiền bán số đề và được hưởng 1.000đồng/01 điểm lô của những người đã mua số lô của T.

Quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan điều tra xác định được Soái Thị Q - sinh năm 1972, trú tại thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nhận làm "thư ký" lô, đề cho Q. Sau khi bán số lô, số đề cho những người chơi thì Q cũng tổng hợp lại và sử dụng số điện thoại 0975399557 soạn tin nhắn văn bản chuyển đến số điện thoại 0353536771 của Q để hưởng tiền phần trăm hoa hồng giống như T.

Ngày 27/3/2019, Ngô Văn Q và Soái Thị Q đến Cơ quan Cảnh sát Công an huyện Hiệp Hòa đầu thú và khai nhận hành vi mua bán số lô, số đề của mình. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra lệnh khám xét khẩn cấp nhà ở của Ngô Văn Q và Soái Thị Q. Kết quả thu giữ của Ngô Văn Q 01(một) điện thoại Iphone 6, số IMEI 359233060050071; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có số IMEI: 867617029639534, số IMEI 2: 867617029639526 tại bàn uống nước; thu trong két sắt đặt tại phòng ngủ ở tầng một nhà ở của gia đình Q số tiền 137.000.000đ. Thu giữ của Soái Thị Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh đen lắp sim số 0975399557; 01 điện thoại Nokia 230 màu đen, lắp sim số 0976994087, thu trong két sắt đặt tại buồng ngủ của gia đình Q số tiền 68.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định được các bị cáo tham gia đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề như sau: Các đối tượng dựa vào kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng từng ngày để mua bán với nhau các số lô, số đề khác nhau; đồng thời các đối tượng thống nhất với nhau tiền thắng thua. Cụ thể, đối với các số đề thường hoặc nhất to sẽ so sánh nếu

trùng khớp với hai số cuối của giải đặc biệt hoặc giải nhất trong kết quả xổ số ngày hôm chơi thì người chơi sẽ được gấp 80 lần số tiền chơi, nếu thua thì mất số tiền chơi.

- Số Lô: so sánh với hai số cuối của 27 giải trong kết quả xổ số ngày hôm chơi; số lô được tính theo điểm lô, tùy theo thống nhất một điểm lô người chơi bỏ ra số tiền 23.000đ hoặc 22.000đ hoặc 21.800đ tương ứng với 01 điểm lô; nếu có nhiều giải có hai số cuối trùng với số lô của người chơi ví dụ: n lần n = 2,3,4... thì người chơi sẽ được số tiền nhân với n lần. Nếu thua người chơi mất số tiền tương ứng với điểm lô chơi.

- Lô xiên: người chơi ghi 2 số (xiên 2) hoặc ba số (xiên 3) khác nhau rồi so sánh với hai số cuối của 27 giải trong kết quả xổ só ngay hôm chơi. Xiên 2 nếu trùng cả hai số trong cặp xiên 2 thì người chơi sẽ được số tiền gấp 10 lần số tiền bỏ ra; xiên ba nếu trùng cả ba số trong cặp xiên 3 thì người chơi sẽ được số tiền gấp 40 lần số tiền bỏ ra. Nếu thua người chơi sẽ mất số tiền chơi.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chứng minh được hành vi đánh bạc (bán số lô đề) của các bị cáo như sau:

*** Hành vi mua bán số lô, số đề của Trần Văn T được thể hiện như sau:**

+ Ngày 26/3/2019 T đã bán các số lô, số đề như sau:

- T bán cho Trần Văn Trường các số đề thường = 50.000đ; 20 điểm lô là 23.000đ/ điểm = 460.000đ. So sánh với kết quả xổ số mở thưởng ngày 26/3/2019, thì Trường trúng số lô 38 = 05 điểm Trường được hưởng 400.000đ. Tổng số tiền Trường đánh bạc với T là 510.000đ + 400.000đ = 910.000đ.

- T bán cho Trần Danh Tính - sinh năm 1975; trú tại: thôn Đại Mão, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tính đã sử dụng SĐT0385314133 để nhắn tin bằng văn bản đến số điện thoại 0987324094 của T mua các số đề tổng 55.000đ. So sánh với kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 26/3/2010 thì Tính không trúng số nào. Tổng số tiền Tính đánh bạc với T là 55.000đ.

- T bán cho Trần Văn Tứ - sinh năm 1975; trú tại: thôn Đại Tân, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tứ sử dụng số điện thoại 0946162283 để nhắn tin đến số điện thoại 0987324094 của T để đánh lô đề gồm: 20 điểm lô x 23.000đ/điểm = 460.000đ. So sánh với kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 26/3/2019 thì Tứ trúng số lô 69 = 10 điểm Tứ được hưởng số tiền là 800.000đ. Tổng số tiền Tứ đánh bạc với T là 460.000đ + 800.000đ = 1.260.000đ.

Ngoài ra, T còn trực tiếp bán số lô, đề cho một số người khác nhưng T không nhớ rõ tên, tuổi, địa chỉ gồm:

- Các số đề thường: 65.000đ, các số lô xiên: 400.000đ; 40 điểm x 23.000đ/điểm = 920.000đ. So sánh với kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 26/3/2019 thì những người chơi này trúng các số lô 99 = 10 điểm x 02(99 về hai giải); 95= 10 điểm. Tổng lô trúng là 30 điểm tương ứng được số tiền là: 2.400.000đ. Tổng số tiền T đánh bạc với những người trên trong ngày 26/3/2019 là: 1.970.000đ + 2.400.000đ = 4.370.000đ(Bốn triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Bản thân cũng tham gia tự ghi và đánh lô đề của mình để chuyển cho Q gồm: Các số đề thường: 4.228.000đ; 95 điểm lô x 23.000đ/điểm= 2.185.000đ; lô xiên: 600.000đ. Tổng số tiền T tự ghi các số lô, đề của mình là: 7.013.000đ. So sánh với kết quả xổ số

Miền Bắc mở thưởng ngày 26/3/2019 thì trúng các số lô là 23= 15 điểm; 95= 10 điểm; 38= 05 điểm; 99= 10 điêm x 02(99 về hai giải). Số điểm lô trúng là 50 điểm, T được hưởng là: 7.013.000đ + 4.000.000đ= 11.013.000đ.

Tổng số tiền T đánh bạc ngày 26/3/2019 là: 910.000 + 55.000 + 1.260.000 + 4.370.000 + 11.013.000 = 17.608.000đ.

+ Ngày 27 tháng 3 năm 2019, T mua bán các số lô, đề như sau:

- T bán số lô, đề cho Trần Văn Tuấn - sinh năm 1983; trú tại thôn Đại Mão, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là: Các số đề thường = 105.000đ; 30 điểm lô x 23.000đ/điểm = 690.000đ. Tổng số tiền T và Tuấn mua bán số lô, đề ngày 27/3/2019 là 795.000đ. Do chưa đến giờ mở thưởng của xổ số Miền Bắc và chưa so được kết quả trúng trượt thì T đã bị bắt.

- T bán số lô, đề cho Trần Văn Trường - sinh năm 1985; trú tại thôn Phú Cố, xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Tổng số 30 điểm lô x 23.000đ/điểm - 690.000đ. T và Trường cũng chưa kịp so kết quả thì T bị bắt quả tang.

- T bán số lô, đề cho Trần Văn Q - sinh năm 1992; trú tại thôn Đại Mão, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là: Các số đề thường = 760.000đ và 100 điểm lô x 23.000đ = 2.300.000đ. Tổng số tiền T và Q mua bán bán số lô, đề là 3.060.000đ. T và Q chưa kịp so kết quả trúng trượt thì T bị bắt quả tang.

- T bán số lô, đề cho Trần Văn Trường - sinh năm 1990, trú tại thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang là: các số đề thường = 500.000đ và 80 điểm lô x 23.000đ/điểm lô = 1.840.000đ. Tổng số tiền T và Trường mua số lô, đề với nhau là: 2.440.000đ. T và Trường chưa kịp so kết quả trúng trượt thì T bị bắt quả tang.

- Ngoài ra T còn bán số lô, đề cho một số người khác nhưng không nhớ rõ tên, tuổi, địa chỉ gồm: Các số đề thường: 165.000đ và 20 điểm lô x 23.000đ/điểm lô = 460.000đ. Tổng số tiền T bán lô, đề là 625.000đ.

- Bản thân T cũng tham gia mua lô đề cùng Q là: Các số đề thường: 1.660.000đ x 85% + 280 điểm lô x 22.000đồng/điểm lô = 7.571.000đ.

Ngày 27/3/2019 T đánh bạc với tổng số tiền là: 795.000 + 690.000 + 3.060.000 + 2.440.000 + 625.000 + 7.571.000 = 15.181.000đ.

*** Hành vi mua bán số lô, đề của Soái Thị Q - sinh năm 1972; trú tại thôn Gò Pháo, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang**

+ Ngày 26/3/2019, Q bán số lô, đề cho những người Q không biết tên, tuổi, địa chỉ là:

- Các số đề thường: 6.020.000đ và 277 điểm lô x 23.000đ/điểm lô = 6.371.000đ. So sánh với kết quả xổ số Miền Bắc mở thường ngày 26/3/2019 thì những người chơi này trúng các số đề 99 = 118.000đ, số tiền được hưởng là 9.440.000ss; lô xiên 92, 28 = 50.000đ, số tiền được hưởng là 500.000đ; các số lô 91 = 10 điểm; 92 = 04 điểm, 23 = 03 điểm, tổng điểm lô trúng là 17 điểm tương ứng được số tiền là 1.360.000đ.

Tổng số tiền Q đánh bạc với Q ngày 26/3/2019 là: 12.391.000 + 11.300.000đ = 23.691.000đ.

+ Ngày 27/3/2019:

- Q bán cho Phạm Văn Hoàng - sinh năm 1989, trú tại thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang như sau: 05 điểm lô x 23.000đ/điểm = 115.000đ. Khi so sánh kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 27/3/2019 thì Hoàng không trúng.

Ngoài ra, ngày 27/3/2019 Q còn bán số lô, số đề cho một số người chơi rồi chuyển cho Ngô Văn Q, cụ thể:

Các số đề thường: 7.300.000đ và 338 điểm lô x 23.000đ/điểm = 7.774.000đ. So sánh với kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 27/3/2019 thì những người chơi này trúng giải nhất số 68 = 5.000đ thì được hưởng số tiền là 400.000đ; các số lô 59 = 05 điểm x 02(68 về hai giải), 32 = 50 điểm; 64 = 10 điểm, tổng điểm lô trúng là 85 điểm thì số tiền được hưởng là: 6.800.000đ.

Tổng số tiền Q bán các số lô, số đề ngày 27/3/2019 và chuyển cho Ngô Văn Q là (số đánh: 15.189.000 + 6.800.000 số trúng) = 21.989.000đ.

*** Hành vi mua bán số lô, đề của Ngô Văn Q - sinh năm 1973; trú tại thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.**

+ Ngày 26/3/2019:

- Trần Văn T và Soái Thị Q bán số lô, số đề cho những người chơi và chuyển cho Ngô Văn Q để hưởng % hoa hồng và số lô, đề T và Q là người trực tiếp đánh cụ thể là: Trần Văn T: 17.608.000; Soái Thị Q là: 23.691.000đ. Tổng cộng là: 41.299.000đ.

Ngoài ra, Q cũng bán số lô, đề cho Trần Thị Quyên - sinh năm 1982; trú tại thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với số tiền là: 250.000đ và không trúng số nào.

Vậy tổng cộng số tiền Q đánh bạc trong ngày 26/3/2019 là: 41.549.000đ.

+ Ngày 27/3/2019:

- Trần Văn T và Soái Thị Q bán số lô, số đề và trực tiếp Q và T đánh để chuyển cho Q là: Trần Văn T là: 15.181.000đ; Soái Thị Q là: 21.989.000.

- Ngô Văn Q bán số lô, đề với Ngô Văn Ngọc - sinh năm 1985 trú tại thôn Hà Nội, xã Đại Thành, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Các số đề thường: 810.000đ và 35 điểm lô x 23.000đ/điểm lô = 805.000đ. Sau khi kết quả xổ số Miền Bắc Mở thưởng thì Ngọc trúng 20 điểm lô thì được hưởng số tiền là: 1.600.000đ. Số tiền Ngọc đánh bạc với Q là: 3.215.000đ.

- Q mua bán số lô, đề với Lại Văn Hùng - sinh năm 1979 trú tại thôn Đa Hội, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang: Các số đề thường: 3.050.000đ và 310 điểm lô x 23.000/điểm lô = 7.130.000đ. So sánh kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 27/3/2019 thì Hùng trúng số đề 59 = 10.000đ thì được hưởng tiền trúng là: 800.000đ; số điểm lô trúng là 135 điểm thì số tiền được hưởng là: 10.800.000đ. Tổng số tiền trúng là 11.600.000đ. Số tiền Hùng và Q đánh bạc trong ngày 27/3/2019 là: 10.180.000đ + 11.600.000đ = 21.780.000đ.

- Ngô Văn Q mua bán số lô, đề với Ngô Văn Hùng - sinh năm 1974 trú tại thôn Đa Hội, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang: Các số đề thường: 500.000đ và 100 điểm lô x 23.000đ/điểm = 2.300.000đ. Sau khi có kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 27/3/2019 thì Hùng trúng 100 điểm lô thì được hưởng là 8.000.000đ. Tổng số tiền Ngô Văn Hùng và Q đánh bạc với nhau là: 2.800.000 + 8.000.000đ = 10.800.000đ.

- Ngô Văn Q mua bán số lô, đề với Trần Thị Quyên - sinh năm 1982; trú tại thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang: Các số đề thường: 700.000đ. So sánh kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng ngày 27/3/2019 thì Quyên trúng giải nhất số 60 = 10.000đ thì được hưởng 800.000đ. Tổng số tiền Quyên đánh bạc với Q là: 1.500.000đ.

Ngô Văn Q khai, toàn bộ các số lô, đề Q ghi và nhận chuyển từ những người chơi cho Q thì Q đã sử dụng số điện thoại 0353536771 để chuyển toàn bộ các số lô, đề đó cho số điện thoại 0967141898 của Trần Văn Sơn - sinh năm 1972; trú tại xóm Phú Cốc, xã Tân Phú, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên để tiếp tục được nhận tiền hoa hồng. Cụ thể Q được trích lại số tiền 21.800đ/điểm lô; 82% các dạng đề khác trong tổng số tiền các số lô, đề Q chuyển cho Sơn; ngoai ra Q còn trực tiếp ghi với Sơn các số đề với số tiền: 3.389.000đ.

Tổng số tiền ngày 27/3/2019 Q mua bán số lô, số đề là: 77.854.000đ.

*** Vật chứng:**

- Thu giữ của Trần Văn T: 01(một) ví da bên trong có 7.589.000đ và 200.000đ thu trên mặt bàn kính; 01(một) cuốn sổ bìa màu hồng bên trong ghi các chữ và số và có chữ ký của Trần Văn T từng trang, đánh số thứ tự từ 01 đến 05; 01(một) bút bi mực màu xanh; 01(một) điện thoại OPPO màu đen(đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động nhã hiệu Itel màu đen.

- Thu giữ của Ngô Văn Q: 01(một) điện thoại Iphone 6 có số IMEI: 359233060050071và 01 điện thoại OPPO lắp sim số 0353536771;

- Thu giữ của Soái Thị Q: 01(một) điện thoại di động Nokia màu xanh đen loại máy 1280 lắp sim số 0975399557 và 01(một) điện thoại di động Nokia màu xanh đen loại máy 230 lắp sim số 097699408.

- Thu giữ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ của Trần Danh Tính; 01(một) điện thoại Nokia màu đen của Trần Văn Tứ.

- Số vật chứng là: 26.000.000đ thu của Trần Văn T; 01(một) điện thoại Iphone 6 và số tiền 137.300.000đ thu giữ của Ngô Văn Q; số tiền 68.000.000đ thu giữ của Soái thị Q. Qua xác minh các tài sản này không liên quan đến vụ án nên ngày 12/6/2019, CQCSĐT Công an huyện Hiệp Hòa đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho Ngô Văn Q: 100.000.000đ.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Ngô Văn Q, Trần Văn T, Soái Thị Q phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng: điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321, điểm s,t,u khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 17, Điều 58 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo: Ngô Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, nhưng được trừ đi số ngày đã bị tạm giữ từ ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019; phạt bổ sung từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ;

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo: Trần Văn T từ 08 đến 10 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ từ ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo: Soái Thị Q từ 06 tháng đến 08 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ từ ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019. Phạt bổ sung từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS xử lý vật chứng như sau:

* Tịch thu sung quỹ nhà nước: số tiền 6.498.000đ và các điện thoại sử dụng vào việc đánh bạc gồm có:

- 01(một) điện thoại di động OPPO màu đen số IMEI 1: 865720044493192, số IMEI 2: 865720044493184 của Trần Văn T;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen số IMEI:354791090266327; số IMEI 2: 354791090266335 của Trần Văn T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có số IMEI 1: 867617029639534 có số IMEI 2: 867617029639526 của Phạm Văn Hoàng;

- 01 điện thoại di đông nhãn hiệu NOKIA 1280 màu xanh có số IMEI: 356713/05/654230/9 của Soái Thị Q;

- 01 điện thoại Nokia màu đen có số IMEI 1: 358903070960086 có số IMEI 2: 358903070960094 của Soái Thị Q;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ có số IMEI 1: 301014158779170, IMEI 2: 351854/07/481555/1 của Trần Danh Tính và Trần Văn Tứ;

* Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi màu xanh trắng có chữ snape trên thân bút; 01 ví da thu của Trần Văn T.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Truy thu số tiền thu lời bất chính của các bị cáo gồm: Ngô Văn Q: 32.677.000đ; Trần Văn T: 874.000đ; Soái Thị Q: 2.421.000đ.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại:

- Ngô Văn Q 37.300.000đ và 01 điện thoại di động Ipnone 6 có số IMEI: 359233060050071; Trần Văn T 27.300.000đ; Soái Thị Q: 68.000.000đ nhưng tạm giữ lại để đạm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội

tuyên quyền kháng cáo và buộc bị cáo Ngô Văn Q và Soái Thị Q mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ. Áp dụng Điều 12 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc miễn án phí cho bị cáoTrần Văn T.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa,Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian xảy ra vụ án. Điều đó có đủ căn cứ để kết luận bản Cáo trạng số 63/CT – VKSHH ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa truy tố các bị cáo Ngô Văn Q cùng đồng phạm về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 321 BLHS là đúng người, đúng tội không oan.

[3] Vào hồi 18 giờ ngày 27/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã bắt quả tang Trần Văn T có hành vi bán số lô, số đề cho Nguyễn Văn Trường. Tại hiện trường Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: tại bàn uống nước chỗ T ngồi 01(một) ví da bên trong có 7.598.000đ; thu giữ 200.000đ; 01(một) cuốn sổ bìa màu hồng bên trong có ghi các chữ và số có chữ ký của Trần Văn T ở từng trang đánh số thứ tự từ 01 đến 05; 01(một) bút bi màu xanh. Thu giữ trên người Nguyễn Văn Trường: 03(ba) tờ cáp đề có ghi chữ và số được đánh số thứ tự từ 01 đến 03 có chữ ký của Trần Văn T và Nguyễn Văn Trường. Sau khi bị bắt quả tang T đã khai ra làm thư ký lô đề cho Ngô Văn Q. CQCSĐT đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Văn Q, Sau khi bị khám xét và bị tạm giữ Q đã khai hành vi mua bán lô đề của Trần Văn T và Soái Thị Q CQĐT đã tiến hành khám xét và bắt giữ Soái Thị Q. Các bị cáo đã lợi dụng hình thức mở thưởng kết quả xổ số hợp pháp của nhà nước để tổ chức đánh bạc cho các con bạc có nhu cầu là vi phạm pháp luật. Bằng hình thức ghi số đề, số lô Trần Văn T, Soái Thị Q sử dụng số điện thoại để soạn tin nhắn văn bản gửi đến số điện thoại 0353536771 của Q để hưởng tiền phần trăm hoa hồng. Cụ thể: T và Q được hưởng 15% trong tổng số tiền bán số đề và được hưởng 1.000đ/điểm lô. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc được thể hiện trong hai ngày: Bị cáo Trần Văn T: - Ngày 26/3/2019 là: 17.608.000đ và ngày 27/3/2019 là: 15.181.000. Bị cáo Soái Thị Q Ngày 26/3/2019 là: 23.691.000đ và ngày

27/3/2019 là: 21.989.000đ. Bị cáo Ngô Văn Q: Ngày 26/3/2019 là: 41.549.00 và ngày 27/3/2019 là: 77.854.000đ

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo Ngô Văn Q, Trần Văn T, Soái Thị Q là nguy hiểm cho xã hội. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như: trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản...Hội đồng xét xử xét thấy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc và cần áp dụng thêm khoản 3 Điều 321 BLHS với các bị cáo như đề xuất của VKS đề nghị mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung với các bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn T thuộc hộ cận nghèo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[5] Xét về mức hình phạt HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo thì mới tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm nên khi xem xét quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất của đồng phạm, vai trò mức độ tham gia của từng bị cáo theo quy định tại Điều 17; Điều 58 BLHS là có căn cứ.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, HĐXX cần phân tích đánh giá như sau:

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án HĐXX xác định vai trò lần lượt như sau: Giữ vai trò chính là bị cáo Ngô Văn Q, bị cáo là người thu gom các cáp đề dưới hình thức tin nhắn điện thoại của hai bị cáo T và Q nên bị cáo phải được đánh giá có vai trò cao hơn hai bị cáo kia là có căn cứ. Tiếp đến là vai trò của bị cáo T và bị cáo Q là ngang nhau vì hai bị cáo cùng có hai ngày chuyển cáp đề cho bị cáo Q để cùng được hưởng số phần trăm do bị cáo Q trả là ngang nhau. Tại phiên tòa các bị cáo đều nhận tội và thành khẩn khai báo nhưng các bị cáo đều có nguyện vọng xin được hưởng án treo vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bản thân bị cáo Q là bệnh nhân đang điều trị tại bệnh viện Bạch Mai với căn bệnh ung thư dạ dày. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy hành vi của các bị cáo không thuộc trường hợp được hưởng án treo. Vì vậy, cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có tính phòng ngừ, giáo dục đối với loại tội phạm này.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là phạm tội 02 lầntrở lên được quy định tại điểm g Điều 52 BLHS.

Xét về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải nên HĐXX xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Điều 51 BLTTHS năm 2015.

Đối với bị cáo Ngô Văn Q trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai thể hiện sự hợp tác tích cực với Cơ quan điều tra trong việc nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án để nhanh chóng khám xét làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo Q trong thời gian ngắn, bị cáo đã ra đầu thú để hợp tác điều tra cùng CQĐT Công an huyện Hiệp Hòa nên theo hướng dẫn của Công văn số 212/TANDTC - PC ngày 13 tháng 9 năm 2019 thì HĐXX xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS là có căn cứ. Ngoài ra, bị cáo Q cũng có xác nhận của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Phong,

tỉnh Bắc Ninh trong việc lập công chuộc tội khi trình báo để Cơ quan điều tra kịp thời bắt giữ quả tang một vụ án "Mua bán trái phép chất ma túy" nên cũng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm u Điều 51 BLHS là có căn cứ. Sau khi vụ án xảy ra bị cáo cũng đã ra đầu thú nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bản thân bị cáo Ngô Văn Q đang mắc căn bệnh hiểm nghèo phải điều trị thường xuyên, liên tục nên khi áp dụng hình phạt đối với bị cáo HĐXX đã áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ để lượng hình cho bị cáo có thời gian chữa bệnh.

Đối với bị cáo Soái Thị Q có cha đẻ là người có công với cách mạng và bản thân bị cáo cũng đã đến CQĐT để đầu thú, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng là có căn cứ.

Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số lô, số đề là hoàn toàn cố ý, nên cần chấp nhận đề xuất của Viện kiểm sát để áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Q và bị cáo Q là có căn cứ.

Đối với bị cáo Trần Văn T thì gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội thì HĐXX xét thấy cần miễn hình phạt bổ sung với bị cáo Trần Văn T là có căn cứ.

[6] Về vật chứng: **:**

Khi bắt quả tang CQĐT đã tiến hành thu giữ của bị cáo T 02 điện thoại di động là: 01(một) điện thoại di động OPPO màu đen số IMEI 1: 865720044493192, số IMEI 2: 865720044493184 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen số IMEI:354791090266327; số IMEI 2: 354791090266335. Tại phiên tòa bị cáo T khai bị cáo chỉ dụng điện thoại OPPO để dùng vào việc bán số lô đề còn chiếc điện thoại đen trắng Itel bị cáo không sử dụng để bán số lô, số đề. Tuy nhiên, tại biên bản kiểm tra điện thoại của (BL số 130) đã xác minh, chiếc điện thoại OPPO có sử dụng sim số là: 0941.996.805 và chiếc điện thoại Itel có sử dụng sim số là 0987.324.094 đều có các tin nhắn liên quan đến việc T bán số lô, số đề cho khách hàng và chuyển cho bị cáo Q. Vì vậy, HĐXX xác định đây là những công cụ, phương tiện bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công nhà nước là có căn cứ.

Đối với bị cáo Q khi CQĐT tiến hành khám xét đã thu giữ 02 điện thoại di đông là: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu xanh đen có sử dụng số sim là 0975399557 và 01 điện thoại Nokia màu đen lắp số sim là: 0976994087. Tại phiên tòa bị cáo khai chỉ sử chiếc điện thoại Nokia màu xanh đen còn chiếc điện thoại màu đen bị cáo không sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên cho bị cáo xin lại. HĐXX xét thấy, (tại BL 132 và133) đã thể hiện rõ bị cáo đã sử dụng cả hai điện thoại này để bán số lô, số đề. HĐXX xác định đây chính là công cụ phương tiện bị cáo Q đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công là có căn cứ.

Đối với bị cáo Q khi CQĐT tiến hành khám xét thì đã thu giữ của bị cáo 02 điện thoại di động là: 01 điện thoại di động OPPO và 01 điện thoại Iphone 6 Plus (tại bút lục số 147) đã xác minh bị cáo Q chỉ sử dụng di động nhãn hiệu OPPO có số IMEI 1: 867617029639534 và số IMEI 2: 867617029639526 để dùng vào việc phạm tội. HĐXX cần tịch thu sung công hai chiếc điện thoại này của Q là có căn cứ.

- Bị cáo T bị CQĐT thu giữ tại nhà một chiếc ví da bên trong có 7.598.000đ và thu giữ 200.000đ trên bàn kính. Thu giữ tại két sắt nhà T số tiền là: 26.000.000đ. T khai số tiền 7.598.000đ thì T vừa bán số lô và số đề cho cho Q là 3.060.000đ và bán cho Trường là 2.240.000đ và T còn bán cho một số người khác nhưng không nhớ rõ. Tuy nhiên, T xác nhận số tiền 1.300.000đ trong ví là tiền của T có trước đó chứ không phải số tiền bán lô đề cho khách hàng nên T xin HĐXX trả cho T. Số tiền 26.000.000đ thu giữ trong két sắt nhà T là T vay của ngân hàng chính sách để về sửa sang công trình phụ, tại phiên tòa T xin HĐXX trả lại cho T số tiền này. HĐXX xét thấy, số tiền 1.300.000đ là tiền của T không có được từ việc bán số lô, số đề nên trả lại T và số tiền 26.000.000đ là tiền của gia đình T nên cần trả lại hai số tiền nay cho T là có căn cứ. Với số tiền 6.498.000đ thu của T cần tịch thu sung quỹ nhà nước là có căn cứ. Đồng thời cũng buộc truy thu số tiền T đã thu lời bất chính là 874.000đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đối với số tiền thu giữ của Soái Thị Q khi tiến hành khám xét tại nhà Q trong két sắt là: 68.000.000đ, tại phiên tòa Q khai đấy là số tiền con gái của Q là chị Đặng Thị Hằng vừa lấy tiền phường tổng số tiền là 67.650.000đ và chị Hằng đã thêm vào 350.000đ để gửi mẹ đẻ là bị cáo Q do chị Hằng đang làm nhà. Nguồn gốc số tiền đã được chị Hằng cung cấp 01 sổ theo dõi đóng tiền phường hàng tháng cùng số tiền đóng như chị Hằng đã khai là đúng. Vì thế, HĐXX xác định số tiền này không phải do Q bán số lô, số đề mà có mà là của chị Hằng gửi nên cần trả lại cho chị Đặng Thị Hằng là có căn cứ. Tuy nhiên, cần truy thu số tiền bị cáo Q thu lời bất chính là 2.421.000đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đối với số tiền 37.300.000đ thu giữ tại nhà bị cáo Q thì khi khám xét CQĐT đã thu tổng số tiền là 137.300.000đ. Nhưng trong quá trình điều tra, CQĐT đã xác định số tiền của Q không phải có được do làm lô, đề nên đã trả lại cho Q 100.000.000đ. Tại phiên tòa Q khai số tiền trên là của bị cáo không liên quan đến việc mua bán lô, đề. Vì vậy, HĐXX cũng quyết định trả lại cho bị cáo số tiền còn lại là 37.300.000đ nhưng được giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án là có căn cứ.

Đối với hai chiếc điện thoại thu của hai người đánh là Trần Danh Tính và Trần Văn Tứ. HĐXX xác định đây là hai vật chứng dùng vào việc mua bán lô, đề nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước là có căn cứ.

Đối với 01 bút bi màu xanh, 01 ví da là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[7]**Về án phí và quyền kháng cáo**: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 22 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 cuả Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Q và bị cáo Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST. Bị cáo T thuộc hộ cận nghèo nên không phải chịu án phí HSST.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo: Ngô Văn Q, Trần Văn T, Soái Thị Q phạm tội "Đánh bạc";

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s, t, u khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 18 tháng tù về tội "Đánh bạc" thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam là: ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019; phạt tiền là: 15.000.000đ sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Trần Văn T 11 tháng tù về tội "Đánh bạc" thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam là: ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Soái Thị Q 12 tháng tù về tội "Đánh bạc" thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam là: ngày 27/3/2019 đến ngày 29/3/2019. Phạt tiền 10.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

[6] **Về vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật TTHS xử lý vật chứng như sau:

* Tịch thu sung quỹ nhà nước: số tiền 6.498.000đ và những chiếc điện thoại các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc gồm:

- 01 chiếc điện thoại OPPO màu đen có số IMEI 1: 865720044493192 và số IMEI 2: 865720044493184 của Trần Văn T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel màu đen có số IMEI 1: 354791090266327 và số IMEI 2: 354791090266335 của Trần Văn T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có số IMEI 1: 867617029639534 và số IMEI 2: 867617029639526 của Ngô Văn Q;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu xanh có số IMEI: 356713/05/654230/9 của Soái Thị Q;

- 01 điện thoại di động Nokia 230 màu đen có số IMEI 1: 358903070960086 và số IMEI 2: 358903070960094 của Soái Thị Q;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ có số IMEI 1301014158779170 và số IMEI 2: 301014158779188 của Trần Danh Tính;

- 01 điện thoại di động Nokia màu đen có số EMEI 1: 351854/07/481554/4 và số IMEI 2: 351854/07/481555/1 của Trần Văn Tứ.

* Tịch thu tiêu hủy: 01 bút bi màu xanh trắng có chữ Snape trên thân bút, 01 ví da thu của Trần Văn T.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS truy thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lời bất chính của các bị cáo gồm: Ngô Văn Q là 37.677.000đ; Trần V ăn T là: 874.000đ; Soái Thị Q là: 2.421.000đ.

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho các bị cáo cụ thể: Ngô Văn Q là: 37.300.000đ và 01 điện thoại di động Iphone 6 có số IMEI 359233060050071; Trần Văn T là: 27.300.000đ; Soái Thị Q là: 68.000.000đ nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] **Về án phí**: Áp dụng khoản 2 Điều 136, Điều 331, 332, 333, 334 BLTTHS năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội buộc các bị cáo: Ngô Văn Q, Soái Thị Q mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ.

Áp dụng Điều12 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 cuả Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc miễn án phí cho bị cáoTrần Văn T.

Báo cho các bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Bùi Thế Hanh **Lê Thanh Miện** **Hoàng Thị Hương Lan**

.